**PHỤ LỤC 2TL: BẢNG TỰ CHẤM ĐIỂM**

*(Kèm theo Văn bản số: 97 /TL-QLCT ngày 28 /3/2017 của Chi cục Thuỷ lợi)*

| **TT** | **Nội dung** | **Chỉ tiêu đánh giá** | **Đơn vị** | **Thang điểm** | **Điểm tự chấm** | **Diễn giải** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực**  |  | **40** |  |  |
| 1 | Tổ chức bộ máy | a) Có Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn được thành lập theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Chính phủ, hàng năm được kiện toàn. | Có/ Không | 10 |  |  |
| b) Có phân công cụ thể trách nhiệm của từng bộ phận và các thành viên Ban chỉ huy phù hợp với điều kiện của từng địa phương | Có/ Không | 15 |  |  |
| 2 | Nguồn nhân lực | a) Thành lập, củng cố và duy trì hoạt động thường xuyên của các đội xung kích phòng, chống thiên tai, được đào tạo, tập huấn nghiệp vụ thường xuyên đáp ứng yêu cầu ứng phó giờ đầu khi có thiên tai xảy ra. | Có/ Không | 10 |  |  |
| b) Có từ 70% trở lên người dân thuộc vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai được phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai. | % | 5 |  |  |
| **II** | **Hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh** |  | **40** |  |  |
| 1 | Kế hoạch phòng, chống thiên tai | Có Kế hoạch Phòng, chống thiên tai cấp xã được phê duyệt và rà soát, cập nhật, điều chỉnh hàng năm theo quy định của Luật, đáp ứng yêu cầu về phòng, chống thiên tai tại chỗ. | Có/ Không | 25 |  |  |
| 2 | Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai | Có phương án ứng phó đối với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra trên địa bàn được xây dựng cụ thể, chi tiết và phê duyệt phù hợp với quy định, tình hình đặc điểm thiên tai ở địa phương | Có/ Không | 15 |  |  |
| **III** | **Về cơ sở hạ tầng thiết yếu** |  | **20** |  |  |
| 1 | Xây dựng cơ sở hạ tầng | 100% cơ sở hạ tầng được xây dựng mới phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn trước thiên tai đã được ban hành hoặc được lồng ghép nội dung an toàn trước thiên tai. | Có/ Không | 8 |  |  |
| 2 | Thông tin, cảnh báo và ứng phó thiên tai | a) Có hệ thống thu nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai đảm bảo 100% người dân được tiếp nhận một cách kịp thời, đầy đủ | Có/ Không | 4 |  |  |
| b) 100% những điểm có nguy cơ cao về rủi ro thiên tai được lắp đặt hệ thống hướng dẫn, cảnh báo | % | 4 |  |  |
| 3 | Thực thi pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai | Tất cả các vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai được kiểm tra, phát hiện và xử lý; không để phát sinh những vụ vi phạm mới hoặc phải kiểm tra, phát hiện và ngăn chặn kịp thời. | Có/ Không | 4 |  |  |

**PHỤ LỤC 3TL: BẢNG HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM**

*(Kèm theo Văn bản số: 97 /TL-QLCT ngày 28 /3/2017 của Chi cục Thuỷ lợi)*

| **TT** | **Nội dung** | **Chỉ tiêu đánh giá** |
| --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu đánh giá** | **Đơn vị** | **Thang điểm** | **Cách tính điểm** |
| **I** | **Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực**  |  | **40** |  |
| 1 | Tổ chức bộ máy | a) Có Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn được thành lập theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Chính phủ, hàng năm được kiện toàn. | Có/ Không | 10 | * Không có Quyết định thành lập: 0 điểm
 |
| * Có Quyết định thành lập, tuy nhiên không được cập nhật bổ sung thường xuyên: 5 điểm
 |
| * Có Quyết định thành lập, và được cập nhật bổ sung thường xuyên: 10 điểm
 |
| b) Có phân công cụ thể trách nhiệm của từng bộ phận và các thành viên Ban chỉ huy phù hợp với điều kiện của từng địa phương | Có/ Không | 15 | * Không có phân công nhiệm vụ: 0 điểm
 |
| * Có phân công nhiệm vụ, tuy nhiên không phù hợp với điều kiện địa phương: 8 điểm
 |
| * Có phân công nhiệm vụ, tuy nhiên không phù hợp với điều kiện địa phương: 15 điểm
 |
| 2 | Nguồn nhân lực | a) Thành lập, củng cố và duy trì hoạt động thường xuyên của các đội xung kích phòng, chống thiên tai, được đào tạo, tập huấn nghiệp vụ thường xuyên đáp ứng yêu cầu ứng phó giờ đầu khi có thiên tai xảy ra. | Có/ Không | 10 | * Không thành lập các đọi xung kích: 0 điểm
 |
| * Có thành lập tuy nhiên có dưới 50% số người chưa được đào tạo tập huấn kịp thời: 3 điểm
 |
| * Có thành lập có >50 % số người được đào tạo tập huấn kịp thời nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu: 7 điểm
 |
| * Có thành lập có >50 % số người được đào tạo tập huấn kịp thời, đáp ứng được yêu cầu: 10 điểm
 |
| b) Có từ 70% trở lên người dân thuộc vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai được phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai. | % | 5 | * 1. - Có từ 70% - 80% : 3 điểm
 |
| * 1. - Có từ 80% - 90% : 4 điểm `
 |
| * 1. - Có từ 90% - 100% : 5 điểm
 |
| **II** | **Hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh** |  | **40** |  |
| 1 | Kế hoạch phòng, chống thiên tai | Có Kế hoạch Phòng, chống thiên tai cấp xã được phê duyệt và rà soát, cập nhật, điều chỉnh hàng năm theo quy định của Luật, đáp ứng yêu cầu về phòng, chống thiên tai tại chỗ. | Có/ Không | 25 | * Không có kế hoạch: 0 điểm
 |
| * Có kế hoạch, tuy nhiên không được cập nhật, điều chỉnh bổ sung thường xuyên: 10 điểm
 |
| * Có kế hoạch và được cập nhật bổ sung thường xuyên tuy nhiên không đáp ứng yêu cầu: 15 điểm
 |
| * Có kế hoạch và được cập nhật bổ sung thường xuyên tuy nhiên không đáp ứng yêu cầu: 25 điểm
 |
| 2 | Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai | Có phương án ứng phó đối với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra trên địa bàn được xây dựng cụ thể, chi tiết và phê duyệt phù hợp với quy định, tình hình đặc điểm thiên tai ở địa phương | Có/ Không | 15 | * Không có phương án: 0 điểm
 |
| * Có phương án, tuy nhiên chưa cụ thể và chi tiết: 5 điểm
 |
| * Có phương án, tuy nhiên chưa cụ thể và chi tiết nhưng đã phù hợp với tình hình địa phương: 10 điểm
 |
| * Có phương án cụ thể và chi tiết, đã phù hợp với tình hình địa phương: 15 điểm
 |
| **III** | **Về cơ sở hạ tầng thiết yếu** |  | **20** |  |
| 1 | Xây dựng cơ sở hạ tầng | 100% cơ sở hạ tầng được xây dựng mới phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn trước thiên tai đã được ban hành hoặc được lồng ghép nội dung an toàn trước thiên tai. | Có/ Không | 8 | * Từ 50% cơ sở hạ tầng trở xuống: 0 điểm
 |
| * Từ 51% - 70% cơ sở hạ tầng: 3 điểm
 |
| * Từ 71% -85% cơ sở hạ tầng: 5 điểm
 |
| * Từ 85% - 99% cơ sở hạ tầng: 7 điểm
 |
| * Đạt 100% cơ sở hạ tầng: 8 điểm
 |
| 2 | Thông tin, cảnh báo và ứng phó thiên tai | a) Có hệ thống thu nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai đảm bảo 100% người dân được tiếp nhận một cách kịp thời, đầy đủ | Có/ Không | * 1. 4
 | * Từ 50% người dân trở xuống: 0 điểm
 |
| * Từ 51% - 70% người dân: 1 điểm
 |
| * Từ 71% -85% người dân: 2 điểm
 |
| * Từ 85% - 99% người dân: 3 điểm
 |
| * Đạt 100% người dân: 4 điểm
 |
| b) 100% những điểm có nguy cơ cao về rủi ro thiên tai được lắp đặt hệ thống hướng dẫn, cảnh báo | % | * 1. 4
 | * Từ 50% điểm trở xuống: 0 điểm
 |
| * Từ 51% - 70% điểm: 1 điểm
 |
| * Từ 71% -85% điểm: 2 điểm
 |
| * Từ 85% - 99% điểm: 3 điểm
 |
| * Đạt 100% điểm: 4 điểm
 |
| 3 | Thực thi pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai | Tất cả các vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai được kiểm tra, phát hiện và xử lý; không để phát sinh những vụ vi phạm mới hoặc phải kiểm tra, phát hiện và ngăn chặn kịp thời. | Có/ Không | * 1. 4
 | * Các vụ vi phạm không được xử lý: 0 điểm
 |
| * Các vụ vi phạm được xử lý, tuy nhiên vẫn để phát sinh: 2 điểm
 |
| * Các vụ vi phạm được xử lý, không để phát sinh: 4 điểm
 |